

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/DS-ST

Ngày: 12/7/2023

*“V/v Chia di sản thừa kế, hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Đào.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết.

Bà Dương Thị Kim Hồng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa
án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà
Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương
mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2022/TLST-
DS ngày 07/11/2022 về việc “Yêu cầu chia di sản thừa kế, hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐ-ST
ngày 08/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST - DS ngày
04/7/2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955. Địa chỉ: số 70D ngõ
185 phố M K, phường M K, quận H B T, thành phố HN.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Hoàng Xuân Triệu, sinh
năm 1974. Địa chỉ: số 6 phố Tự Do, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải
Dương, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1950. Địa chỉ: Đội 5, thôn B Đ, xã G K,
huyện G L, tỉnh H D.

Người đại diện theo ủy quyền của bà G: Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Đội 5, thôn B Đ, xã G K, huyện G L, tỉnh H D.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954. Địa chỉ: thôn 9, xã V C, huyện T Y, tỉnh Y B.

3.2. Ông Phạm Hữu H, sinh năm 1968. Địa chỉ: thôn B Đ, xã G K, huyện G L, tỉnh H
D.

3.3. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1974. Địa chỉ: thôn B Đ, xã G K, huyện G L, tỉnh H
D.

- 3.4. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1972. Địa chỉ: xã D H, thành phố C P, tỉnh Q N.
- 3.5. Chị Phạm Minh Th, sinh năm 1994. Địa chỉ: thôn T D, xã T L, huyện T L, tỉnh HY.
- 3.6. Chị Phạm Thị N, sinh năm 1997. Địa chỉ: xã D H, thành phố C P, tỉnh Q N.
- 3.7. Chị Phạm Thị Lan P, sinh năm 2005. Địa chỉ: xã D H, thành phố C P, tỉnh Q N.
- 3.8. Cháu Phạm Văn Đ, sinh năm 2014. Địa chỉ: xã D H, thành phố C P, tỉnh Q N.
Người giám hộ cho cháu Đ. Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1972 là mẹ đẻ. Địa chỉ: xã D H, thành phố C P, tỉnh Q N.
- 3.9. Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Đội 5, thôn B Đ, xã G K, huyện G L, tỉnh H D.
- 3.10. Chị Phạm Thu H1, sinh năm 1992. Địa chỉ: khu 6, thị trấn GL, huyện GL, tỉnh HD.
- 3.11. Ủy ban nhân dân huyện G L, tỉnh H D. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Tuấn – chức vụ: Chủ tịch UBND huyện G L, tỉnh H D. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình Dũng – Trưởng phòng TNMT huyện G L, tỉnh H D.
- Tại phiên tòa có mặt: bà G, bà H, bà T, ông T, chị H. Vắng mặt: ông H, ông H, bà L, chị T, chị N, chị P, cháu Đ, chị H2, Đại diện UBND huyện G L, tỉnh H D. (những người vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn bà Nguyễn Thị H cùng người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Xuân Triệu thống nhất trình bày: Bố mẹ bà là cụ Nguyễn Thế N và cụ Phạm Thị X. Hai cụ sinh được 04 người con gồm: Bà (Nguyễn Thị H), bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thế Th (ông Th là liệt sỹ, chết không có vợ không có con). Di sản của bố mẹ để lại là thửa đất số 294 tờ bản đồ số 21 diện tích 378m², địa chỉ thôn B Đ, xã G K, huyện G L, tỉnh H D. Trên đất vẫn còn ngôi nhà cấp 4 do bố mẹ bà xây dựng. Cụ N chết năm 1986, cụ Xách chết năm 1981. Khi chết cụ N có để lại di chúc nhưng do di chúc không rõ ràng nên các chị em trong gia đình thống nhất không đề nghị Tòa án xem xét bản di chúc mà xác định, hai cụ chết không để lại di chúc. Quá trình sử dụng đất, bà G sinh sống cùng hai cụ. Sau khi hai cụ chết, các chị em trong gia đình cũng chưa lần nào họp bàn thống nhất phân chia nhà đất trên. Bà G sống cùng các cụ trên thửa đất, đã tự kê khai và được UBND huyện Gia Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên vào năm 2003. Khi sử dụng nhà đất, ngôi nhà do bố mẹ để lại có xuống cấp thì bà G có sửa chữa trên nền ngôi nhà cũ, có xây dựng thêm nhà vệ sinh và trồng một số cây trên đất. Gia đình đã nhiều lần họp bàn để phân chia di sản thừa kế của hai cụ nhưng bà G không có thiện chí hòa

giải mà xác định thửa đất số 294 thuộc quyền sử dụng của riêng bà. Do vậy, bà khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết 02 yêu cầu.

Thứ nhất: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện G L, tỉnh H D cấp cho bà Nguyễn Thị G đối với thửa đất số 294 tờ bản đồ số 21 diện tích 378m² vào năm 2003, đến năm 2020 bà G cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký tài sản trên đất.

Thứ hai. Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của hai cụ theo quy định của pháp luật. Cụ thể chia di sản trên làm ba phần cho bà, bà G và bà T. Khi tiến hành phân chia di sản, đề nghị Tòa án tính công sức duy trì cho bà G bởi thực tế bà G sinh sống trên thửa đất cũng nhiều năm, công sức là có. Về phần công sức bà không tự nguyện đề xuất bao nhiêu mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà có nguyện vọng được hưởng di sản bằng hiện vật, Tòa án phân chia di sản cho bà ở vị trí nào trên thửa đất bà cũng nhất trí, tuy nhiên bà đề nghị Tòa án chia cho bà G ở phần có ngôi nhà để cho bà G ổn định chỗ ở.

Quan điểm của bị đơn bà Nguyễn Thị G. Bà xác định nguyên đơn trình bày họ tên bố mẹ, năm chết của hai cụ là hoàn toàn chính xác, bà không bổ sung gì thêm. Hai cụ sinh được 04 người con, hiện nay còn sống 03 người là bà, bà H, bà T. Đối với anh Thắng đã hy sinh khi còn trẻ, không có vợ không có con. Tài sản của hai cụ để lại cho các đồng thừa kế là thửa đất số 294 tờ bản đồ số 21 diện tích 378m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị G. Khi còn sống bố bà là cụ N có viết di chúc để lại nhưng nội dung không rõ ràng nên bà cũng không đề nghị Tòa án phân chia di sản theo di chúc. Bà xác định hai cụ chết không để lại di chúc. Khi các cụ còn sống bà là người trực tiếp sống cùng các cụ, chăm sóc quản lý đất đai. Quá trình sử dụng đất, bà đã tôn tạo đất, xây dựng tường bao xung quanh thửa đất, trồng cây trên đất. Các cụ chết chỉ để lại ngôi nhà cấp 4 xuống cấp, hiện nay vẫn còn ngôi nhà đó, bà đang sử dụng nhưng do ngôi nhà xuống cấp, bà đã sửa chữa, cải tạo và xây dựng thêm công trình trên đất. Bà xác định bà có nhiều công sức đối với thửa đất này. Về việc san lấp, tôn tạo đất, bà thực hiện trong nhiều năm, đến nay không nhớ đã san lấp hết bao nhiêu m³ đất và giá trị bao nhiêu tiền. Nay bà H làm đơn khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật, bà không nhất trí vì thực tế bà là người sinh sống cùng bố mẹ, có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng khi bố mẹ ốm đau. Các đồng thừa kế khác ở xa, thỉnh thoảng mới về, khi còn trẻ bà đã bỏ ra nhiều công sức đối với thửa đất này nên nó thuộc quyền sử dụng của bà. Mặt khác, bà đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu trong vụ án này, đồng thời công nhận quyền sử dụng đất cho bà. Bà không đồng ý yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà. Trường hợp yêu cầu chia di sản thừa kế của bà H được Tòa án

chấp nhận, bà đề nghị Tòa án tính công sức duy trì tôn tạo thửa đất của bà bằng 200m² đất, phần còn lại sẽ chia di sản thừa kế, bà có nguyện vọng được hưởng di sản bằng hiện vật tất cả di sản, đồng thời có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế khác bằng tiền.

Quan điểm của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ *Quan điểm của bà Nguyễn Thị T.* Bà xác định họ tên, năm chết cũng như nguồn gốc di sản như nguyên đơn trình bày là đúng, bà không bổ sung gì thêm. Bố bà là cụ Nguyễn Thế N, mẹ bà là cụ Phạm Thị X. Hai cụ sinh được 04 người con như nguyên đơn, bị đơn trình bày. Ngoài những người con trên hai cụ không có con chung, con nuôi, con riêng nào khác. Trước khi chết cụ N có viết bản di chúc nhưng chị em trong gia đình thống nhất di chúc không có giá trị pháp lý nên không đề nghị Tòa án chia di sản theo di chúc mà đề nghị Tòa án chia di sản theo quy định của pháp luật. Thửa đất số 294 tờ bản đồ số 21 nêu trên có nguồn gốc từ bố mẹ bà, khi còn sống bố mẹ chưa tuyên bố cho riêng ai, sau khi bố mẹ chết các chị em trong gia đình chưa lần nào họp bàn phân chia di sản. Bà G ở cùng hai cụ, quản lý đất đai đã tự ý kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003, đến năm 2020 đã đăng ký biến động, kê khai tài sản trên đất. Di sản bố mẹ để lại là diện tích đất tại thửa 294 và tài sản là ngôi nhà trên đất, toàn bộ tài sản trên chưa được phân chia. Nay quan điểm của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà nhất trí vì giấy chứng nhận được cấp đối với thửa đất là di sản thừa kế nhưng không được sự đồng ý của các đồng thừa kế. Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế. Bà xác định, bà G lấy chồng nhưng vẫn sống cùng chồng là ông Phạm Hoài Thanh trên thửa đất này, quá trình sử dụng đất bà G cũng có xây dựng thêm công trình trên đất, sửa chữa lại ngôi nhà cấp bốn của bố mẹ. Việc tôn tạo đất là không có bởi đất của bố mẹ như thế nào thì bà G sử dụng như vậy. Khi chia di sản thừa kế theo pháp luật, đề nghị Tòa án tính công sức cho bà G làm sao đảm bảo quyền lợi của bà ấy, bà không tự nguyện đưa ra mức bao nhiêu. Bà có nguyện vọng được hưởng di sản bằng hiện vật, chia di sản cho bà tại vị trí đất nào cùng được, phần đất được chia mà có công trình hoặc cây trồng do bà G tạo dựng, yêu cầu bà G di dời để trả lại đất cho bà.

+ *Quan điểm của chị Phạm Thị Thu H.* Chị là con đẻ của bà G và ông T. Bố mẹ chị sinh sống trên thửa đất số 294 có nguồn gốc từ ông bà ngoại chị. Quá trình sử dụng đất bố mẹ chị có tiến hành san lấp, xây dựng một số công trình trên đất như sửa chữa ngôi nhà cấp 4 của ông bà để lại, xây dựng thêm bếp, làm sân, tôn tạo đất, xây dựng tường bao. Bố chị chết năm 2012. Mẹ chị là vợ hai của bố chị. Bố chị có vợ cả là bà Nguyễn Thị Q, bà Q chết từ năm 1984. Bố chị

và bà Q sinh được 03 người con là: Anh Phạm Hữu H, anh Phạm Văn H và anh Phạm Văn H (anh H đã chết năm 2015. Anh H có vợ là chị Hoàng Thị L. Anh H và chị Lý sinh được 04 người con là: Phạm Thị Minh Thu, Phạm Thị N, Phạm Thị Phương và Phạm Văn Đức). Bố chị và mẹ chị sinh được 02 người con là chị và em gái Phạm Thu H1. Bố mẹ đẻ của bố chị đã chết từ lâu, chết trước bố chị. Trường hợp Tòa án xác định bố chị có một phần công sức trong thửa đất số 294 tờ bản đồ 21 nêu trên, chị được hưởng di sản phần công sức đó từ bố chị, chị tự nguyện nhận và cho lại mẹ chị là bà Nguyễn Thị G. Hiện nay, vợ chồng chị đang sinh sống cùng mẹ chị trên thửa đất này, vợ chồng chị sống trên đất nhưng không có công sức gì, chỉ là ở trên đất. Chồng chị là bộ đội đi làm xa thỉnh thoảng mới về nên cũng không có công sức và không đề nghị gì đối với Tòa án.

+. *Quan điểm của chị Phạm Thu H1.* Chị là con đẻ của bà G và ông T. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với thửa đất số 294 tờ bản đồ số 21, chị không nắm được cụ thể. Trường hợp chị được hưởng phần di sản từ ông T, chị tự nguyện nhận và cho lại bà Nguyễn Thị G. Chị không có yêu cầu hay đề nghị gì trong vụ án này.

+. *Quan điểm của các con riêng của ông T gồm anh H, anh H và vợ con anh H cùng xác định.* Bố các anh chị là ông Phạm Hoài Thanh, mẹ là bà Nguyễn Thị Q. Bà Q chết năm 1984, ông T chết năm 2012. Sau khi bà Q chết thì ông T kết hôn với bà G. Sau khi kết hôn ông T và bà G sinh sống tại thửa đất số 294. Trường hợp các anh chị được hưởng di sản từ ông T đối với thửa đất này, anh chị nhận và cho lại bà Nguyễn Thị G.

+. *Quan điểm của UBND huyện G L, tỉnh H D.* Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với thửa đất số 294. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2020 của UBND huyện Gia Lộc cho bà Nguyễn Thị G. Thửa đất số 294 tờ bản đồ số 21 địa chỉ thôn B Đ, xã G K, huyện G L, tỉnh H D được đăng ký biến động đúng quy định. Bà H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên liên quan đến nguồn gốc thửa đất, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh với UBND xã Gia Khánh, huyện G L, tỉnh H D. Nội dung thể hiện: Thửa đất số 294 tờ bản đồ 21. Theo hồ sơ 299 được đo đạc năm 1984 thửa đất trên được thể hiện tại thửa đất số 70 tờ bản đồ số 09 diện tích 342m² đăng ký chủ sử dụng đất là Ô Nghĩa (Gái). Theo hồ sơ 1991 thì thửa đất số 294 được thể hiện tại thửa đất số 342 tờ bản đồ số 03 diện tích 378m², đăng ký chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Thị G. Theo bản đồ đo đạc năm 2011 thửa đất tranh chấp được thể hiện tại thửa 294 diện tích 406,3m², đăng ký chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị G. Về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm

2003, tại thời điểm này UBND xã không còn lưu trữ nên không cung cấp được cho Tòa án. Thửa đất số 294 tờ bản đồ số 21 có nguồn gốc từ cụ N, hiện nay hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 không còn lưu trữ được nên cũng không lý giải được vì sao thửa đất của cụ N lại chuyển sang cho bà G, các đồng thừa kế của hai cụ có đồng thuận không chính quyền địa phương không nắm được. Năm 2003 bà G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 378m² đất được cấp không bị trừ đất 03 của ai trong gia đình bà G. Về diện tích đất đo đạc theo hiện trạng là 405m², tăng lên so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, việc tăng lên là do sai số trong quá trình đo đạc bởi vị trí, kích thước thửa đất không có sự thay đổi, mốc giới với các hộ giáp ranh cũng không tranh chấp.

Tòa án tiến hành xác minh với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Gia Lộc. Kết quả xác minh. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 của bà G không còn lưu trữ được. Văn phòng chỉ cung cấp cho Tòa án hồ sơ đăng ký biến động đất đai năm 2020 của bà Nguyễn Thị G.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 294 tranh chấp. Kết quả thể hiện. Diện tích theo hiện trạng là 405m², khuôn viên thửa đất đã được xây dựng tường bao, các hộ giáp ranh không có tranh chấp. Hội đồng định giá trong tổ tụng dân sự, UBND huyện Gia Lộc kết luận định giá. Giá đất ở tại vị trí tranh chấp là 5.000.000đ/m²; giá đất trồng cây lâu năm là 2.500.000đ/m². Tài sản trên đất có giá trị: 83.534.000đ.

Tại phiên tòa xét xử ngày 04/7/2023, do một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. HĐXX sơ thẩm đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà T có mặt. Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về phương thức phân chia di sản và đề nghị Tòa án thiết lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản. Cụ thể: Sau khi phân tích về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất thì nguyên đơn là bà H, bị đơn là bà G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà T cùng thống nhất thỏa thuận. Về di sản thừa kế: Xác định thửa đất số 294 tờ bản đồ số 21 diện tích theo hiện trạng 405m² là di sản thừa kế của cụ N và cụ Xách để lại. Phương thức phân chia. Giao cho bà H và bà T mỗi bà được sử dụng 90m², bà G được quyền sử dụng 225m². Vị trí chia đất. Bà H nằm tại vị trí giáp đường ngõ xóm, tiếp đến là và Thảo, tiếp đến là bà G. Bà G được sử dụng phần đất có toàn bộ công trình nhà ở, nhà phụ, nhà bếp. Bà H, bà G sử dụng phần đất có tường bao, một phần bếp nên có trách nhiệm hỗ trợ cho bà G tổng số tiền 13.000.000đ (bà H 8.000.000đ, bà T 5.000.000đ để cho bà G mở cổng đi ra đường thôn cho thuận lợi), về cây trồng trên đất là bà G sẽ di dời trả lại mặt bằng cho hai bà H, Thảo.

Tại phiên tòa: Nguyễn đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các đương sự giữ nguyên quan điểm về việc phương thức phân chia di sản thừa kế được thỏa thuận ngày 04/7/2023. Đối với nội dung thỏa thuận, các đương sự thống nhất yêu cầu bà G di dời toàn bộ cây trồng trên đất nhưng tại phiên tòa các đương sự thống nhất. Cây trồng nằm trên phần đất của ai thì người đó được hưởng. Bà T có trách nhiệm thanh toán cho bà G số tiền cây là 1.000.000đ; bà H có trách nhiệm thanh toán số tiền cây cho bà G là 4.000.000đ. Đồng thời đề nghị HĐXX ghi nhận phương thức phân chia di sản mà các bên đã thống nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Những người tham gia tố tụng chấp hành tương đối đúng quy định của BLTTDS. Về đường lối giải quyết vụ án. Sau khi đánh giá, phân tích nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đề xuất: Áp dụng các Điều 649; Điều 650; Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Xử. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Gia Lộc cấp cho bà G năm 2020. Chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Phương thức phân chia di sản: Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng 90m² đất và tài sản nằm trên phần đất được giao. Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng 90m² đất và tài sản nằm trên phần đất được giao. Bà T có trách nhiệm thanh toán cho bà G tiền cây trồng và tài sản trên đất là 6.000.000đ. Bà H có trách nhiệm thanh toán cho bà G tiền cây trồng và tài sản trên đất là 12.000.000đ. Giao cho bà Nguyễn Thị G được quyền sử dụng 225m² đất và toàn bộ tài sản trên đất. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng:

+. Bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ vào Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) và Điều 32 Luật tố tụng hành chính (LTTHC), Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

+. Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần 2

không có lý do, UBND huyện Gia Lộc có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

+. Về thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế: Di sản thừa kế mà nguyên đơn đề nghị Tòa án chia là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 294 tờ bản đồ số 21, trên đất có ngôi nhà cấp 4 hiện nay vẫn còn do cụ N và cụ Xách để lại. Cụ N chết năm 1986, cụ Xách chết năm 1981. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị G đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu về thừa kế đối với bất động sản là 30 năm. Hai cụ chết đến thời điểm nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế đã hơn 30 năm nên không còn thời hiệu. HĐXX xác định. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015; khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016 ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 104 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật tố tụng hành chính thì từ ngày 01/01/2017 Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 623 BLDS năm 2015 về thời hiệu thừa kế để thụ lý, giải quyết vụ án dân sự “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, theo đó thời hiệu thừa kế là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Theo hướng dẫn tại Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và Nghị Quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì thời hiệu khởi kiện thừa kế được tính lại từ ngày 10/9/1990 đối với những trường hợp mở thừa kế trước ngày 10/9/1990. Như vậy, cụ N và cụ Xách đều chết trước ngày 10/9/1990 nhưng thời hiệu sẽ được tính từ ngày 10/9/1990. Di sản thừa kế của các cụ để lại là quyền sử dụng đất và nhà ở trên đất nên thời gian từ ngày 01/7/1996 đến ngày 01/01/1999 không được tính vào thời hiệu thừa kế. Do vậy, thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ N và cụ Xách sẽ hết vào ngày 10/3/2023, tuy nhiên ngày 07/11/2022 Tòa án đã thụ lý vụ án tranh chấp chia di sản thừa kế nêu trên nên vẫn nằm trong thời hiệu khởi kiện. Bị đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu là không có căn cứ nên không được chấp nhận. HĐXX xác định vụ án tranh chấp chia di sản thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vẫn nằm trong thời hiệu khởi kiện và Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Đối với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế. HĐXX nhận thấy.

2.1.1. Về hàng thừa kế. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày thống nhất với nhau và phù hợp với xác nhận của chính quyền địa phương về hàng thừa kế của cụ N và cụ Xách. Hai cụ sinh được 04 người con, đến thời điểm khởi kiện thì 03 người con

còn sống, 01 người con đã chết không có vợ, không có con. Theo quy định tại Điều 651 BLDS thì bà H, bà G và bà T là những người được hưởng thừa kế của hai cụ. Quá trình sử dụng đất bà G cùng chồng là ông Phạm Hoài Thanh có công sức duy trì, tôn tạo và sửa chữa ngôi nhà là một phần di sản. Ông T đã chết năm 2012, Tòa án đưa các con riêng của ông T gồm anh H, anh H và vợ con anh Hiện, con chung của ông T và bà G là chị H, chị Hương vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 68 BLTTDS.

Trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn xuất trình cho Tòa án 01 bản với tiêu đề: Văn bản bàn giao tài sản được thiết lập vào ngày 23/01/1985. Nội dung văn bản thể hiện, cụ Nguyễn Thế N bàn giao tài sản cho ba con gái là bà H, bà T và bà G. Tòa án đã hỏi rõ nội dung liên quan đến văn bản bàn giao tài sản trên và có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo nội dung ghi trong văn bản bàn giao tài sản không thì quan điểm các đương sự gồm bà T, bà H, bà G đều xác định. Văn bản bàn giao tài sản trên có nội dung chứa đựng như di chúc nhưng không rõ ràng, cả ba bà đều không đề nghị Tòa án chia di sản và đánh giá theo nội dung văn bản nêu trên, đồng thời xác định các cụ chết không để lại di chúc. Do vậy, HĐXX xác định, hai cụ chết không để lại di chúc và di sản thừa kế sẽ được xem xét giải quyết theo pháp luật.

2.1.2. Về di sản thừa kế của cụ N và cụ Xách. Thửa đất số 294 tờ bản đồ số 21 diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 378m², địa chỉ thôn B Đ, xã G K, huyện G L, tỉnh H D. Về nguồn gốc thửa đất. Các đương sự trình bày thống nhất với nhau, phù hợp với sổ sách còn lưu trữ tại UBND xã Gia Khánh thể hiện. Thửa đất trên có nguồn gốc từ cụ Nguyễn Thế N và cụ Phạm Thị X để lại, hồ sơ 299 được đăng ký tên cụ N, sau đó có ghi thêm bên cạnh chữ “gái”. Căn cứ vào lời khai của các đương sự và xác nhận của chính quyền địa phương, HĐXX xác định thửa đất có nguồn gốc từ cụ N và cụ Xách để lại. Hai cụ chết, không để lại di chúc nên thửa đất trên là di sản thừa kế của hai cụ.

Xét quá trình sử dụng đất thì thấy: Khi hai cụ còn sống, hai cụ trực tiếp sinh sống trên thửa đất này. Sau khi hai cụ chết thì bà G cùng chồng là ông Phạm Hoài Thanh quản lý, sử dụng thửa đất. Hồ sơ 299 mang tên cụ N, đến năm 1991 thửa đất đã chuyển tên chủ sử dụng đất sang cho bà Nguyễn Thị G. Thời điểm này các cụ đã chết. Đến năm 2001 chính quyền địa phương tiến hành đo đạc thửa đất thì thửa đất vẫn được đăng ký tên bà Nguyễn Thị G, đến năm 2003 bà G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất là di sản của hai cụ. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ N và cụ Xách đã chết, cơ quan nhà nước không lưu trữ được hồ sơ cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất năm 2003, các đồng thừa kế là bà H, bà T còn sống đều khẳng định, không có việc bố mẹ tặng cho bà G, không có việc các đồng thừa kế thỏa thuận phân chia di sản thừa kế mà do bà G tự kê khai và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà G xác định thửa đất số 294 thuộc quyền sử dụng của mình nhưng bà không đưa ra được căn cứ chứng minh việc chuyển giao quyền sử dụng đất từ các cụ hoặc từ các đồng thừa kế của các cụ sang cho bà nên không có cơ sở xác định thửa đất 294 là tài sản riêng của bà G. HĐXX xác định đây là di sản thừa kế của hai cụ N và cụ Xách để lại chưa chia cho các đồng thừa kế thì mới đảm bảo quyền lợi của các đồng thừa kế. Ngoài ra các cụ còn để lại ngôi nhà cấp 4, công trình phụ trên thửa đất số 294.

Xét công sức duy trì, tôn tạo thửa đất: Cụ N chết năm 1986, cụ Xách chết năm 1981. Sau khi hai cụ chết bà G tiếp tục quản lý sử dụng phần di sản này một cách công khai. Bà G kết hôn với ông T và cùng ông T sống trên thửa đất của hai cụ. Quá trình giải quyết vụ án, bà G trình bày. Bà và ông T có công tôn tạo, duy trì thửa đất nhưng bà không chứng minh được vợ chồng bà đã tôn tạo bao nhiêu m³ đất để HĐXX xem xét cụ thể. Tuy nhiên, thực tế quá trình sử dụng đất thì ông T và bà G có công sức duy trì, tôn tạo đối với thửa đất là có thật, thửa đất sẽ không có giá trị như hiện nay nếu không có người trông nom, quản lý trong khoảng thời gian dài hơn 30 năm qua. Ông T chết không để lại di chúc nên phần công sức, duy trì thửa đất số 294 được HĐXX đánh giá ông được hưởng sẽ chia đều cho các đồng thừa kế của ông gồm. Bà G, chị H, chị Hương, anh H, anh H và vợ con anh Hiện. Quan điểm của những người con chung, con riêng của ông T nhất trí nhận phần di sản này, đồng thời tự nguyện cho lại bà G. Bà G nhận nên HĐXX sẽ ghi nhận phần tặng cho này, đồng thời đánh giá chung vào phần công sức duy trì của bà G đối với thửa đất. Tại thời điểm này, vợ chồng chị H cùng sống chung với bà G trên thửa đất số 294 nhưng chị xác định, vợ chồng chị chỉ ở nhờ, không có công sức gì đối với nhà đất trên, không đề nghị Tòa án xem xét nên HĐXX không phải xem xét giải quyết.

Về diện tích di sản thừa kế. Theo hiện trạng sử dụng đất hiện nay thì thửa đất số 294 tờ bản đồ số 21 có diện tích 405m², tăng lên so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Gia Lộc cấp cho bà G năm 2003 là 27m². Chính quyền địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo hiện trạng đo đạc là 405m². HĐXX thấy rằng, hiện trạng thửa đất được sử dụng ổn định, có khuôn viên riêng, phân định mốc giới với các hộ giáp ranh bằng tường bao xung quanh, các hộ giáp ranh không có tranh chấp mốc giới nên căn cứ vào hiện trạng sử dụng, xác nhận của chính quyền địa phương thì diện tích di sản của hai cụ để lại chưa chia là 405m², trong đó có 300m² đất ở, 105m² đất lâu năm khác.

Căn cứ vào thời gian sinh sống và công sức duy trì thửa đất, HĐXX trích cho bà G được hưởng **135m²** đất tại thửa đất số 294. Phần di sản còn lại được xác định là **270m²** đất (trong đó có 180m² đất ở và 90m² đất lâu năm khác) có giá trị 1.125.000.000đ là di sản thừa kế sẽ được chia đều cho 03 đồng thừa kế, mỗi đồng thừa kế được hưởng **90m²** đất có giá trị 375.000.000đ.

Về phương thức phân chia di sản thừa kế. Các đồng thừa kế đều có nguyện vọng được hưởng di sản bằng hiện vật. Xét nguyện vọng trên của các đồng thừa kế là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất, yêu cầu hưởng di sản bằng hiện vật của các đồng thừa kế có thể phân chia được mà không ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của bà G. Tại phiên tòa các đương sự đã thống nhất được với nhau về phương thức phân chia di sản. Cụ thể giao cho bà G 225m² đất, trong đó có 180m² đất ở, 45m² đất lâu năm khác tại vị trí có ngôi nhà và các công trình phụ khác trên đất; giao cho bà H và bà T mỗi bà được quyền sử dụng 90m², trong đó có 60m² đất ở và 30m² đất lâu năm khác tại hai vị trí tiếp theo, hai bà tự nguyện hỗ trợ bà G 13.000.000đ để mở cổng đi lối ra đường thôn và thanh toán tiền cây trồng trên đất là 5.000.000đ. Xét việc tự nguyện phân chia di sản trên của các bà là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX ghi nhận. Phần tài sản trên đất của ai người đó được hưởng. Riêng phần 02 cánh cổng nằm trên đất của bà H, bà H tháo trả lại cho bà G.

2.2. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện G L, tỉnh H D cấp cho bà Nguyễn Thị G. Tại mục 2.1.2 nêu trên, HĐXX phân tích thửa đất số 294 có nguồn gốc của cụ N và cụ Xách. Sau khi hai cụ chết không để lại di chúc, các đồng thừa kế chưa định đoạt phần di sản này nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được bà G kê khai và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 là chưa đúng về mặt chủ thể. Năm 2003 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp không đúng chủ thể nên thủ tục để đăng ký biến động, kê khai thêm tài sản trên đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2020 cũng không đảm bảo đúng chủ thể. Trong hồ sơ đăng ký biến động đất đai năm 2020 có các tài liệu bao gồm: Biên bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, biên bản từ chối nhận di sản thừa kế được thiết lập tại phòng công chứng Gia Trinh. Mặc dù các văn bản trên không có đương sự nào đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đánh giá chủ thể được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 không đảm bảo nên các thủ tục tiếp theo cũng không có giá trị pháp lý. Do vậy, HĐXX đánh giá các văn bản thỏa thuận phân chia di sản và văn bản từ chối di sản không có giá trị chứng minh quyền sử dụng đất nên HĐXX hủy Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện Gia Lộc cấp cho bà G năm 2003 và cấp đổi năm 2020. Yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn có căn cứ, cần được HĐXX chấp nhận.

[2.4]. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp chi phí thẩm định và định giá tài sản. Tổng số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản hết 10.000.000đ, các đương sự đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 165; Điều 166 BLTTDS mỗi đương sự phải chịu 3.333.333đ. Bà H đã tạm ứng chi phí tố tụng nêu trên, tại phiên tòa bà H bà T tự nguyện chịu 7.000.000đ, yêu cầu bà G thanh toán 3.000.000đ. Xét yêu cầu trên của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bà G có trách nhiệm thanh toán trả bà H số tiền 3.000.000đ; bà T có trách nhiệm trả bà H số tiền 3.500.000đ.

[2.5]. Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm vì là người cao tuổi theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 609; Điều 613; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 32 Luật tố tụng hành chính; Điều 38; khoản 1 Điều 227; Điều 266, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật đất đai năm 1993; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Xử. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật thừa đất số 294 tờ bản đồ 21 diện tích theo hiện trạng là 405m², địa chỉ: thôn B Đ, xã G K, huyện G L, tỉnh H D. Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế của ông T cho phần công sức duy trì thừa đất số 294 tờ bản đồ số 21 cho bà G.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phương thức phân chia di sản thừa kế. Cụ thể:

- Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng 90m² đất, trong đó có 60m² đất ở và 30m² đất lâu năm khác có giá trị 375.000.000đ theo hình vẽ RCDEFGHIJKLSR có kích thước các cạnh: RC = 1.08m; CD = 2.36m; DE = 0.78m; EF = 1.28m; FG = 4.73m; GH = 2.68m; HI = 7.58m; IJ = 4.54m; JK = 0.59m; KL = 1.03m; LS = 2.37m; SR = 22.80m. Trên đất có các công trình, cây trồng sau: Một phần tường bao, 02 trụ cổng, 01 phần sân trệt, 02 cây bưởi; 01 cây hồng xiêm; 01 cây vú sữa; 01 cây nhãn; 01 cây ổi; một phần chuồng chăn

nuôi. Bà H có trách nhiệm trả bà G số tiền 12.000.000đ và có trách nhiệm tháo 02 cánh cổng giao lại cho bà G.

- Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng 90m² đất, trong đó có 60m² đất ở và 30m² đất lâu năm khác có giá trị 375.000.000đ theo hình vẽ QRSTQ có kích thước các cạnh: QR = 4m; RS = 22.8m; ST = 4.13m; TQ = 23.88m. Trên đất có các công trình, cây trồng sau: 01 phần bếp, 01 phần sân trệt; 01 phần tường bao; 01 khóm chuối; 02 cây na; 01 cây bưởi; 01 phần chuồng chăn nuôi. Bà T có trách nhiệm thanh toán cho bà G số tiền 6.000.000đ.

- Giao cho bà Nguyễn Thị G được quyền sử dụng 225m² đất, trong đó có 180m² đất ở và 45m² đất lâu năm khác có giá trị 1.012.500.000đ theo hình vẽ ABQTNMOPA có kích thước các cạnh: AB = 7.48m; BQ = 2.94m; QT = 23.88m; TN = 3.38m; NM = 3.14m; MO = 2.19m; OP = 20.99m; PA = 2.35m. Trên đất có các công trình, cây trồng sau: 02 chuồng chăn nuôi; 01 nhà; lán tôn, nhà vệ sinh, một phần bếp, bể nước; một phần sân trệt; 04 khóm chuối, 01 cây đu đủ; 01 cây nhãn; 01 cây ổi; 01 cây dừa; 01 cây khế; 01 cây mít.

Toàn bộ tài sản và cây trồng trên đất được liệt kê theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương vào ngày 21 tháng 12 năm 2022. (có sơ đồ kèm theo bản án).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[2]. Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị G. Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 495123 do Ủy ban nhân dân huyện G L, tỉnh H D cấp ngày 22/7/2020 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q235310 do Ủy ban nhân dân huyện G L, tỉnh H D cấp ngày 30/12/2003.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được giao. Khi đo đạc để bàn giao đất, công trình nằm trên phần đất của ai người đó được tháo dỡ, sử dụng. Bà G tự mở lối đi khác cho phần đất bà được giao quyền sử dụng.

[3]. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị G có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 3.000.000đ. Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 3.500.000đ.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương.
- Cục THADS tỉnh Hải Dương.
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

Xét thấy bản án sơ thẩm số 01/2016/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2016 về Khiếu kiện hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương có những sai sót, nhằm lần cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

Về nội dung tại dòng 7, 8 từ dưới lên trang 12 của bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: “*Xử bác yêu cầu: Ông đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích đất phía sau nhà*”.

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “*Xử bác yêu cầu: Ông Vũ Khánh Ngoan đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích đất ao phía sau nhà tại thôn La Xá, xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương (theo sổ đăng ký ruộng đất 299 và bản đồ 299 phần diện tích đất ao thuộc thửa 29, tờ bản đồ 03).*”

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

